

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC NINH THUẬN

**KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TRƯỚC KÉO DÀI ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2022
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị: Triệu đồng

1	2	Kế hoạch vốn giao trong năm 2022	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn năm 2018, 2019 kéo dài	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
	TỔNG SỐ:	3.428.164	2.564.481	75%	272.127	198.328	73%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	152.261	64.775	43%	89.548	89.548	100%
1	BQLDA ĐTXD thủy lợi 7	101.000	28.593	28%	89.547	89.547	100%
2	UBND huyện Thuận Nam	980	365	37%			
3	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	15.000	5.553	37%	2	2	100%
4	UBND huyện Ninh Phước	2.253	1.435	64%			
5	UBND huyện Thuận Bắc	3.762	2.694	72%			
6	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10.400	8.469	81%			
7	Tòa án nhân dân tỉnh	5.757	5.342	93%			
8	UBND huyện Ninh Sơn	11.538	10.783	93%			
9	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố PRTC	123	119	96%			
10	Công an tỉnh	1.448	1.423	98%			
B	NGÂN SÁCH TỈNH	2.546.281	1.906.778	75%	172.501	98.943	57%
B.1	NHÓM BQLDA CHUYÊN NGÀNH	2.195.068	1.646.447	75%	172.501	98.943	57%
1	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông	286.037	130.194	46%	172.501	98.943	57%



		Kế hoạch vốn giao trong năm 2022	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn năm 2018, 2019 kéo dài	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
2	Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	849.143	594.888	70%			
3	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông	805.563	677.622	84%			
4	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	254.325	243.742	96%			
B.2	NHÓM CHỦ ĐẦU TƯ LÀ SỞ, BAN, NGÀNH	351.213	260.331	74%			
1	Sở Thông tin và Truyền thông	300		0%			
2	BQL Khai thác cảng cá	341		0%			
3	BQLDA Tam nông giai đoạn 2 (Ifad)	100		0%			
4	Trường Cao đẳng Nghề	15.366		0%			
5	BQLDA SACCR	17.300	2.583	15%			
6	Văn phòng Tỉnh uỷ	350	143	41%			
7	Chi cục thủy lợi	66.788	34.683	52%			
8	Sở Y tế	29.778	16.026	54%			
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.715	1.111	65%			
10	BCH Quân sự tỉnh	66.776	57.419	86%			
11	BQLDA JICA	450	394	88%			
12	Đài Phát thanh - Truyền hình	35.299	32.473	92%			
13	Vườn quốc gia Núi Chúa	1.059	980	92%			
14	Trường Trung cấp Y tế	6.500	6.156	95%			
15	Sở Giao thông - Vận tải	9.454	9.197	97%			
16	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2.304	2.254	98%			



 C.N.

		Kế hoạch vốn giao trong năm 2022	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn năm 2018, 2019 kéo dài	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18.007	17.590	98%			
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5.733	5.733	100%			
19	Công an tỉnh	12.680	12.679	100%			
20	Tỉnh Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	1.347	1.347	100%			
21	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	38.845	38.845	100%			
22	BCH Bộ đội Biên phòng	124	124	100%			
23	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.967	3.967	100%			
24	Chi cục phát triển nông thôn	520	520	100%			
25	Bệnh viện đa khoa tỉnh	100	100	100%			
26	Công ty TNHH Nhật Thành Food (Doanh nghiệp tư nhân)	2.000	2.000	100%			
27	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	10.000	10.000	100%			
28	Công ty cổ phần Cấp nước	3.064	3.064	100%			
29	Vườn quốc gia Phước Bình	780	779	100%			
30	Trường chính trị	166	166	100%			
C	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ PRTC	110.018	98.193	89%			
1	Phòng Quản lý đô thị	4.030	362	9%			
2	BQLDA ĐTXD thành phố Phan Rang Tháp Chàm	102.961	94.941	92%			
3	Tổng hợp ngân sách xã	2.400	2.265	94%			
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	627	625	100%			
D	NGÂN SÁCH HUYỆN	619.604	494.736	80%	10.078	9.837	98%



		Kế hoạch vốn giao trong năm 2022	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn năm 2018, 2019 kéo dài	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
1	THUẬN BẮC	107.725	76.338	71%	300	125	42%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	31.211	11.908	38%			
2	THUẬN NAM	88.266	68.326	77%	193	193	100%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	23.815	11.678	49%			
3	NINH PHƯỚC	64.156	49.466	77%	5.759	5.758	100%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	6.615	6.438	97%			
4	BẮC ÁI	142.956	111.884	78%	422	371	88%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	113.797	84.814	75%			
5	NINH SƠN	69.020	56.597	82%	204	204	100%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	22.104	12.950	59%			
6	NINH HẢI	147.482	132.124	90%	3.200	3.186	100%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	9.145	6.082	67%			

Trưởng phòng Kiểm soát chi



Nguyễn Thị Bắc Hà

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 01 năm 2023

Giám đốc KBNN Ninh Thuận



Lê Thái Vỹ